



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số 2331 /TB-UBND ngày 16 /10/2026 của UBND xã Đình Lập)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	THỰC HIỆN		SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
			QUÝ III	LUỸ KẾ NĂM 2026	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=2/1	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	21,755	86,305	108,039	496,62	877,17
I	Thu nội địa	21,755	85,600	103,220	474,47	870,00
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ		0,705	4,819		
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	116,832	93,960	190,831	163,34	112,03
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	19,755	73,164	91,545	463,40	14.639,8
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	19,755	73,164	91,545	463,40	14.639,80
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chi NSDP theo tỷ lệ %					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	97,077	20,796	83,821	86,34	24,94
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	95,883	15,000	70,450	73,47	20,09
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1,194	5,796	13,371	1.119,85	66,45
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			15,465		
C	TỔNG CHI NSDP	170,192	41,523	89,836	52,79	52,66
I	Chi cân đối NSDP	170,192	41,523	89,836	52,79	52,66
1	Chi đầu tư phát triển	35,693	14,050	14,085	39,462	5.620,00
2	Chi thường xuyên	132,093	27,352	75,630	57,26	34,80
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng ngân sách	2,407	0,121	0,121	5,01	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 2331 /TB-UBND ngày 16 /10/2026 của UBND xã Đình Lập)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	THỰC HIỆN		SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
			QUÝ III	LUỸ KẾ NĂM 2026	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	21,755	86,305	108,039	496,6	877,2
I	Thu nội địa	21,755	85,600	103,220	474,5	870,0
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		0,182	0,5074		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4,725	1,665	3,867	81,8	60,0
4	Thuế thu nhập cá nhân	1,100	0,893	2,663	242,1	734,6
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	3,600	1,202	3,921	108,9	10.137,1
	Trđó: Lệ phí trước bạ	3,500	1,131	3,729	106,6	
7	Các khoản thu về nhà, đất	12,030	80,911	91,164	757,8	1.641,8
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0,030	0,007	0,011	38,1	184,1
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		0,002	0,009		0,4
-	Thu tiền sử dụng đất	12,000	80,901	91,143	759,5	3.039,0
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	0,300	0,747	1,097	365,8	11.685,6
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ		0,705	4,819		
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTDB và các khoản thu khác					

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	THỰC HIỆN		SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
			QUÝ III	LUỸ KẾ NĂM 2026	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	2	3=2/1	4
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hòa các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	19,755	73,164	91,545	463,4	18.317,8
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	19,755	73,164	91,545	463,4	14.639,9

Ghi chú: Thu khác đã bao gồm thu các khoản huy động đóng góp

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 2331 /TB-UBND ngày 16 /10/2026 của UBND xã Đình Lập)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	THỰC HIỆN		THỰC HIỆN QUÝ SO VỚI (%)	
			QUÝ III NĂM 2026	LUỸ KẾ NĂM 2026	DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	170,098	41,523	89,835	52,814	52,66
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	170,098	41,523	89,835	52,814	52,66
I	Chi đầu tư phát triển	35,693	14,049	14,085	39,461	5.619,79
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	33,462	14,014	14,049	41,986	5.605,70
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	2,231	0,035	0,035	0,000	0
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	131,999	27,353	75,630	57,296	34,80
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	<i>56,646</i>	<i>12,591</i>	<i>37,976</i>	<i>67,042</i>	<i>42,37</i>
	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	<i>0,101</i>		<i>0,101</i>	<i>100,000</i>	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	2,407	0,121	0,121	5,0	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
VÀ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Thông báo số 2331 /TB-UBND ngày 16 /10/2026 của UBND xã Đình Lập)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1-2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4-5</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=7-8</i>
	Tổng số	2.406,55	120,66	2.285,89	0	0	0	-	-	-
1	Chi đầu tư phát triển						0			
2	Chi thường xuyên	2.406,55	120,66	2.285,89			0			

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI

(Kèm theo Thông báo số 2331 /TB-UBND ngày 16 /10/2026 của UBND xã Đình Lập)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG SỐ	7.196,712	524,180	6.672,532
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ	-	-	-
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính	93,550	-	93,550
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	866,926	366,926	500,000
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng	5.129,770	-	5.129,770
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội	987,786	157,254	830,532
6	Thường vượt dự toán thu hoặc hỗ trợ ngân sách cấp dưới hụt thu	-	-	-
7	Nộp trả nguồn kinh phí đã hết nhiệm vụ chi theo KL của Kiểm toán Nhà nước khu vực VI	118,680		118,68